

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới sự tác động tiêu cực của nhóm cổ phiếu chứng khoán, ngân hàng với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

GVR, DGC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, ưu tiên cơ cấu tỷ trọng danh mục về ngưỡng an toàn khi chỉ số hoặc cổ phiếu đang nằm giữ vượt đỉnh

29/03/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,284.09	-0.47
VN30	1,296.90	-0.48
HĐTL VN30F1M	1,298.10	-0.67
HNXIndex	242.58	-0.55
HNX30	533.82	-0.83
UPCoM	91.57	+0.10
USD/VND	24,799	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.63	+4
Lãi suất qua đêm (%)	2.57	+240
Dầu (WTI, \$)	83.17	+0.00
Vàng (LME, \$)	2,229.87	+0.00



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,284.09 (-0.47%)
KLGD (triệu CP) 790.5 (-3.6%)
GTGD (triệu US\$) 925.2 (-11.4%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động tiêu cực của các nhóm chứng khoán, ngân hàng với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 795.13 tỷ đồng, tập trung tại MSN (-2.37%), VHM (-1.04%), VND (-1.08%).

HNXIndex 242.58 (-0.55%)
KLGD (triệu CP) 76.6 (-11.6%)
GTGD (triệu US\$) 66.8 (-6.8%)

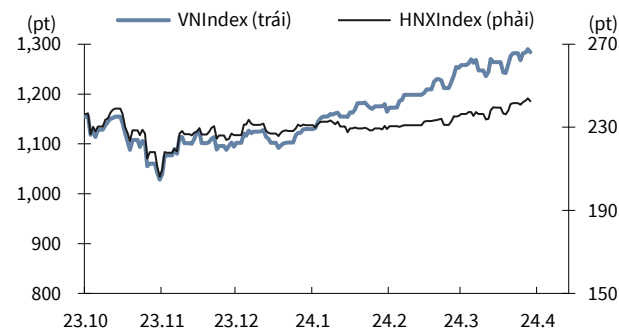
Tính chung quý I, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 93.06 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu ngành xuất khẩu tăng giá ở MPC (+0.56%), DBC (+0.62%).

UPCoM 91.57 (+0.10%)
KLGD (triệu CP) 42.2 (+6.6%)
GTGD (triệu US\$) 16.6 (-3.0%)

Giá thép giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải giảm 138 nhân dân tệ xuống mức 3,364 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h00 ngày 29/3. Cổ phiếu ngành thép giảm giá ở HPG (-0.98%), HSG (-1.66%).

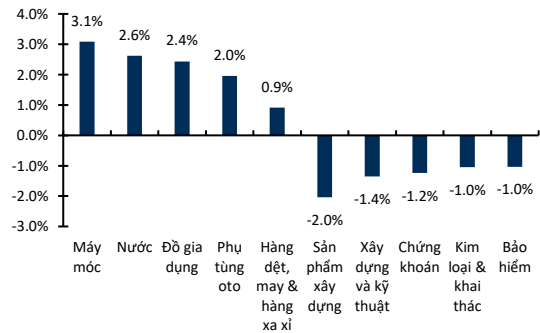
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -28.8

VNIndex & HNXIndex



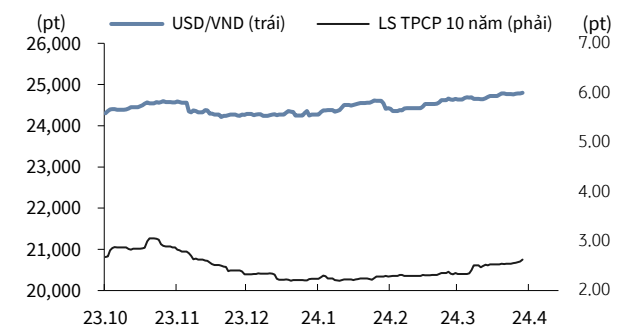
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

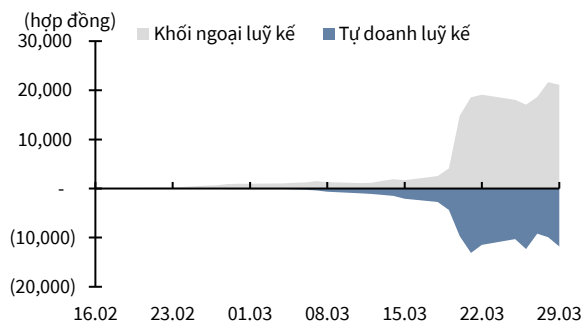
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,296.90 (-0.48%)
VN30F1M	1,298.1 (-0.67%)
Mở cửa	1,306.7
Cao nhất	1,307.6
Thấp nhất	1,295.3
KLGD (HĐ)	188,654 (-4.5%)

Các HĐTL giảm điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2404 và VN30 mở cửa tại 3.06 điểm, sau đó biến động quanh mức 0.52 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 1.2 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

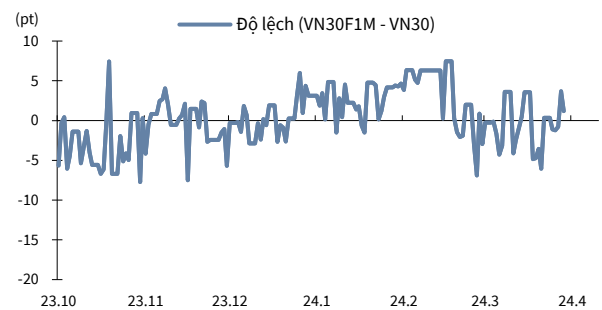
Khối ngoại bán ròng 535 HĐTL VN30F2404 nhưng đang duy trì vị thế mua lũy kế 21,106 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 1,881 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 11,803 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



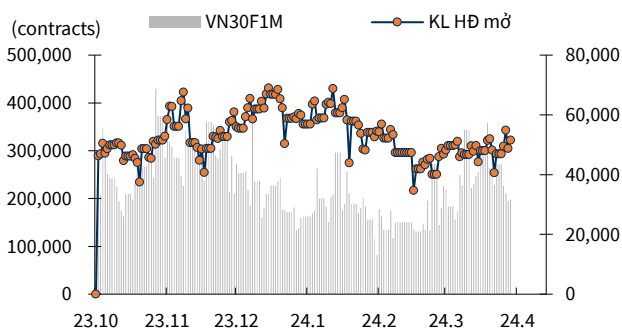
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



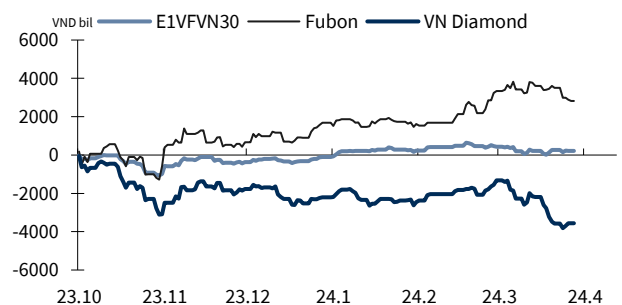
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

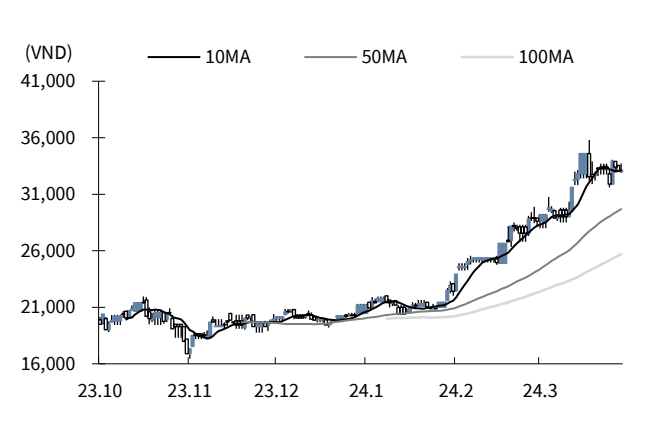
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR)

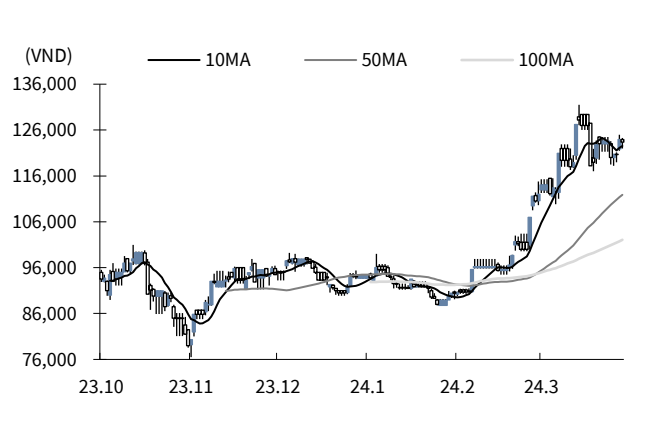


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GVR tăng 0.3% lên 33,150 VND/cp

- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) tổ chức họp ĐHCĐ bất thường năm 2024 vào sáng ngày 29/3. Tại đại hội, lãnh đạo tập đoàn trình kế hoạch kinh doanh 2024 gồm doanh thu và thu nhập khác 24,999 tỷ đồng, lãi sau thuế 3,247 tỷ đồng, tăng khoảng 1 – 2% so với 2023. Tỷ lệ cổ tức 3%. Lãnh đạo GVR cho biết Tập đoàn đã được duyệt chuyển đổi 25,000 ha đất cao su tại 3 địa phương gồm Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu và Bình Phước. 2 tỉnh đến giai đoạn phê duyệt cấp Hội đồng Thẩm định Quốc gia là Bình Dương và Đồng Nai.

CTCP Tập đoàn Hoá chất Đức Giang (DGC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DGC giảm 0.4% về 123,400 VND/cp

- Công ty CP Hóa chất Đức Giang (HOSE: DGC) đã tổ chức ĐHCĐ thường niên 2024 vào sáng ngày 29/3/2024 tại Hà Nội với những thông tin đáng chú ý về kế hoạch kinh doanh và hoạt động đầu tư. Về chỉ tiêu kinh doanh, Hoá chất Đức Giang đã được cổ đông thông qua kế hoạch tổng doanh thu hợp nhất 10,202 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 3,100 tỷ đồng. Như vậy, mặc dù doanh thu được kỳ vọng sẽ tăng gần 5% nhưng lợi nhuận được ước tính sẽ giảm 4.4% so với năm 2023.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex điều chỉnh với diễn biến giằng co rung lắc mạnh trong phiên.
- Chỉ số lao dốc, chịu áp lực bán quyết liệt ngay sau khi mở cửa phiên cho thấy vị thế áp đảo mạnh mẽ của phe bán và hầu hết lực cầu không có sự phản ứng nâng đỡ chỉ số trở lại, phần nào thể hiện tâm lý đang trở nên bi quan hơn. Nhiều khả năng VNIndex sẽ tiếp tục chịu áp lực rung lắc trong những phiên tới và bỏ ngỏ rủi ro xuất hiện những nhịp phân phối tiêu cực.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp tăng điểm, ưu tiên cơ cấu tỷ trọng danh mục về ngưỡng an toàn khi chỉ số hoặc cổ phiếu đang nằm giữ vượt đỉnh.

Chỉ số VN30

Chỉ số VN30 · 1D O 1305.41 H 1306.01 L 1294.86 C 1296.90 -6.30 (-0.48%)

Volume - Khối lượng SMA 9 217.257M

BB 20 2 1267.66

MA 50 close 0 SMA 9 1230.32



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

Hợp đồng tương lai VN30F1M · 1D O 1306.7 H 1307.6 L 1295.3 C 1298.1 -8.8 (-0.67%)

Volume - Khối lượng SMA 9 188.233K

BB 20 2 1266.4

MA 50 close 0 SMA 9 1230.8



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1311 – 1314

Kháng cự gần: 1303 – 1307

Hỗ trợ gần: 1288 – 1292

Hỗ trợ xa: 1270 – 1275

— F1 điều chỉnh với diễn biến giằng co rung lắc mạnh trong phiên.

— Chỉ số lao dốc, chịu áp lực bán quyết liệt ngay sau khi mở cửa phiên cho thấy vị thế áp đảo mạnh mẽ của phe Short. Những nỗ lực đẩy giá sau đó của phe Long chỉ giúp cho chỉ số tránh được một phiên điều chỉnh sâu. Nhiều khả năng F1 sẽ tiếp tục chịu áp lực rung lắc trong những phiên tới và bỏ ngỏ rủi ro xuất hiện những nhịp phân phối tiêu cực.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, Short tại kháng cự, Long tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ các vị thế Short đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

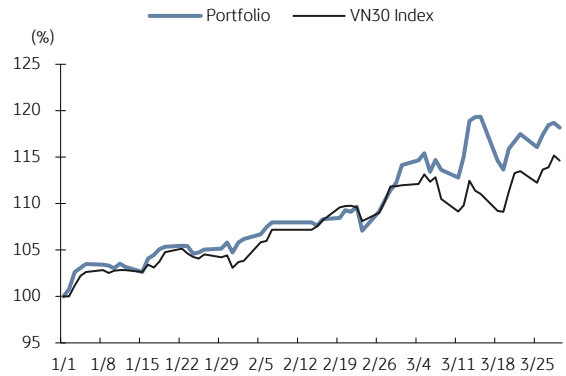
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.48%	-0.44%
Tăng lũy kế (YTD)	14.62%	18.16%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/03/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	01/11/2023	38,500	-1.7%	49.5%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Gemadep (GMD)	01/03/2024	79,700	-0.4%	4.3%	- Dự địa tăng trưởng vượt trội nhờ tăng công suất giai đoạn 2024-2026 - Hưởng lợi từ Thông tư 39 điều chỉnh biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam - Hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động xuất nhập khẩu
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	94,900	-0.8%	-3.4%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Digiworld (DGW)	01/03/2024	66,100	0.5%	18.5%	- Triển vọng hồi phục phụ thuộc vào sức mua - Đóng góp của các ngành hàng mới
PV Drilling (PVD)	01/02/2024	32,350	0.5%	17.0%	- Nguồn cung giàn khoan vẫn sẽ thắt chặt trong dài hạn - Kỳ vọng nhu cầu thuê giàn tăng mạnh trong 2 năm tới - Thị trường E&P nội địa dự kiến sôi động hơn từ 2024
TNG (TNG)	01/02/2024	22,200	-1.3%	9.9%	- Hàng tồn kho của các hãng thời trang là đối tác của TNG có dấu hiệu giảm rõ nét - BLNG được kỳ vọng cải thiện trong 1Q2024 - Suy giảm xuất khẩu thu hẹp
BSI (BSI)	01/03/2024	63,200	-1.3%	15.1%	- Hưởng lợi từ mặt bằng lãi suất, thanh khoản thị trường cải thiện mạnh so với cùng kỳ - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX và đưa vào giao dịch trong ngành (T0), giúp thị trường giao dịch sôi động
Hai An Transport (HAH)	01/03/2024	42,900	-1.5%	2.3%	- Giá cước có thể cải thiện nhờ thời tiết, ảnh hưởng tới lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HĐKD và tăng sản lượng hàng qua cảng
Coteccons (CTD)	02/01/2024	73,000	0.4%	6.1%	- Màng công nghiệp làm động lực tăng trưởng trong tương lai - Kỳ vọng giá trị hợp đồng ký mới trong FY2024 tăng 30%
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	01/03/2024	98,900	1.2%	9.4%	- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của vàng trang sức - Mở rộng mạng lưới cửa hàng đồng thời cải thiện doanh thu trên cửa hàng, tìm kiếm tệp khách hàng mới

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MWG	0.2%	44.5%	169.7
VPB	0.5%	27.6%	54.7
SSI	-1.7%	43.2%	35.0
CTG	-0.6%	27.4%	27.3
DRC	3.1%	11.9%	24.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-2.4%	26.9%	-219.2
VND	-1.1%	21.6%	-189.6
VHM	-1.0%	21.5%	-150.9
STB	-1.3%	24.3%	-145.9
VNM	-0.2%	51.5%	-94.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.5%	17.5%	51.3
IDC	0.3%	21.0%	19.1
GKM	-1.0%	0.6%	4.8
PVI	0.8%	59.5%	2.0
LAS	1.0%	1.1%	1.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HUT	-1.5%	1.8%	-9.3
SHS	-2.4%	10.2%	-7.6
CEO	-2.1%	5.2%	-3.4
LHC	-0.4%	17.6%	-2.5
TIG	-2.9%	10.8%	-1.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Nước	5.3%	BWE, TDM, SII, CLW
Máy móc	4.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Bán lẻ hàng chuyên dụng	4.1%	MWG, FRT, CTF, HAX
Xây dựng và kỹ thuật	3.8%	DIG, HDG, VCG, PC1
Thiết bị điện	1.5%	GEX, SAM, CAV, RAL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thương mại & phân phối	-1.9%	VPG, TSC, BTT, TNA
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-1.5%	PLX, PGC, CNG, GSP
Đồ uống	-0.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-0.8%	AST, VNG, DSN, DAH
Kim loại & khai thác	-0.8%	HPG, HSG, NKG, KSB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và kỹ thuật	18.8%	DIG, HDG, VCG, PC1
Máy móc	18.0%	TCH, HHS, SRF, SHA
Đồ gia dụng	13.6%	TTF, GDT, EVE, SAV
Bán lẻ hàng chuyên dụng	13.3%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hóa chất	11.7%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-4.0%	PGV, NT2, PPC, TTA
Thương mại & phân phối	-2.4%	VPG, TSC, BTT, TNA
Đồ uống	-1.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Sản xuất điện	-1.1%	POW, VSH, GEG, TMP
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-1.1%	AST, VNG, DSN, DAH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	194,202 (7.9)	22.5	1,270.7	51.7	14.7	0.0	3.0	1.6	1.5	0.1	2.3	5.9	6.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	387,527 (15.7)	26.6	5.6	5.0	35.9	16.9	15.5	0.9	0.8	-1.0	0.1	-1.3	-0.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	338,078 (13.7)	17.8	14.1	12.5	-7.6	10.9	10.8	1.4	1.3	0.8	-3.2	-2.5	10.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	555,390 (22.5)	31.3	-	-	6.7	-3.7	-6.4	0.9	1.0	-2.3	0.9	0.9	1.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	178,231 (7.2)	11.6	31.6	26.5	13.7	6.8	8.4	2.0	1.9	-0.3	1.9	9.1	20.4
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	326,145 (13.2)	13.9	46.5	29.3	-	2.9	4.4	1.3	1.3	-0.8	0.0	8.8	2.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	170,020 (6.9)	6.3	15.4	13.6	11.7	19.4	18.3	2.6	2.1	-0.8	-1.6	-2.5	18.2
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	94,248 (3.8)	12.7	13.8	11.3	-5.3	18.3	18.6	2.1	1.8	-1.0	-3.9	-1.7	20.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	453,343 (18.3)	0.0	7.6	6.1	14.3	16.1	17.0	1.1	1.0	-0.9	5.9	12.7	49.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	332,511 (13.5)	1.4	9.2	7.2	50.3	17.2	18.6	1.3	1.1	-0.6	-0.4	0.0	31.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	305,806 (12.4)	0.0	11.3	8.4	18.8	11.3	12.8	1.1	1.0	0.5	5.1	-0.8	2.9
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	585,255 (23.7)	0.0	5.8	4.9	14.6	21.3	20.1	1.2	1.1	-0.4	1.4	5.2	36.2
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	149,923 (6.1)	4.2	6.1	5.2	23.3	21.9	21.0	1.2	1.0	-0.6	1.3	3.4	18.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	683,832 (27.7)	14.0	6.3	4.1	26.5	19.9	23.3	1.1	0.9	-1.3	-0.2	0.2	13.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	243,794 (9.9)	0.0	7.2	5.6	37.4	16.2	18.0	1.2	1.0	0.0	1.9	-3.8	9.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	273,812 (11.1)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.5	0.0	1.7	0.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	28,721 (1.2)	21.0	18.1	15.6	15.8	8.1	8.9	1.4	1.3	-1.3	0.6	-0.3	8.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	5,127 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.0	1.7	7.0	15.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	1,036,452 (42.0)	55.4	22.7	18.6	-3.2	11.6	12.4	-	-	-1.7	1.9	4.1	17.4
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	452,432 (18.3)	71.9	33.1	24.6	-4.0	13.4	14.2	3.6	3.4	0.2	0.2	18.0	25.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	284,928 (11.5)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	-1.8	3.1	5.5	24.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	957,277 (38.7)	27.2	19.8	14.9	36.3	10.7	11.8	1.8	1.7	-1.1	-5.6	1.3	3.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	331,926 (13.4)	42.1	16.9	14.6	4.0	28.9	30.0	4.7	4.8	-0.1	-0.3	-6.1	0.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	84,607 (3.4)	36.9	17.2	16.2	7.3	17.2	17.4	2.8	2.6	-0.9	-1.0	-3.1	-10.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	503,552 (20.4)	16.5	48.9	24.6	-51.9	9.3	16.7	3.8	3.3	-2.4	-5.5	5.4	10.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	12,545 (0.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.6	-2.1	1.9	-10.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	66,148 (2.7)	11.0	32.6	19.0	-88.5	12.5	17.6	-	-	-0.2	0.8	-0.1	-4.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	144,092 (5.8)	10.8	23.4	19.5	-57.0	13.2	14.6	2.6	2.4	-0.4	1.4	4.9	13.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	235,178 (9.5)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-1.0	-1.3	3.2	10.7
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	59,645 (2.4)	48.0	29.0	23.5	26.2	28.0	28.9	6.7	5.6	-2.7	7.8	31.7	50.7
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	599,959 (24.3)	37.7	35.8	17.6	-14.4	7.9	6.7	-	-	0.4	-0.2	11.7	5.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	174,079 (7.0)	3.6	23.8	16.1	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	0.4	2.0	9.4	6.1
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	68,662 (2.8)	0.0	10.5	9.4	-4.5	12.4	13.9	1.3	1.2	-0.2	-0.5	4.2	12.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	117,007 (4.7)	46.1	16.8	15.7	-17.5	16.3	16.4	2.5	2.4	-0.1	-0.4	3.6	6.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	27,793 (1.1)	31.4	-	14.9	-10.5	6.0	12.4	2.0	1.9	-1.0	1.2	-3.1	1.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,660 (0.1)	34.1	6.3	5.7	-5.1	16.4	17.5	-	-	0.7	0.7	-0.4	-7.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	870,661 (35.2)	18.0	13.8	10.0	21.9	11.5	14.6	1.5	1.4	-1.0	-1.0	-2.4	8.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	122,449 (5.0)	36.5	18.7	15.5	-0.5	7.9	8.7	1.2	1.2	-1.2	0.8	3.0	7.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	179,164 (7.3)	46.5	12.8	13.9	-4.5	15.0	14.7	1.8	1.7	-1.1	0.4	4.1	8.5
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	315,043 (12.7)	38.9	15.4	9.4	67.9	9.3	16.3	1.3	1.2	-1.7	1.7	4.0	3.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	39,111 (1.6)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.4	2.8	-0.9	18.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	57,257 (2.3)	4.6	15.0	13.9	-51.0	11.8	12.2	1.8	1.7	-0.7	-1.8	4.0	8.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	252,263 (10.2)	39.9	18.0	12.3	-11.9	6.4	7.8	1.2	1.1	0.5	1.3	4.7	14.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	132,348 (5.4)	35.9	8.2	7.1	2.2	15.4	15.9	1.2	1.1	-0.3	-0.2	6.9	8.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	635,751 (25.7)	0.0	26.6	14.2	14.4	9.7	14.3	3.0	2.7	0.2	4.1	10.6	19.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	188,464 (7.6)	0.0	15.1	13.1	2.4	21.5	21.6	2.9	2.5	1.2	0.4	9.4	15.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	20,268 (0.8)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.3	-0.5	-3.2	-13.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	133,994 (5.4)	30.3	84.4	34.2	-75.2	31.8	31.2	11.3	8.7	-0.6	4.2	7.6	45.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	53,583 (2.2)	34.6	22.7	14.6	41.2	11.4	16.7	2.9	2.6	0.5	-0.2	14.7	28.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,671 (0.1)	45.4	15.4	15.2	10.7	19.9	19.2	-	-	0.1	0.2	6.8	11.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	367,901 (14.9)	0.0	19.1	15.7	15.5	29.3	30.2	5.2	4.4	-0.5	1.4	6.9	21.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.